

THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, HOÀN LẠI, MIỄN GIẢM NXB - SAU KIỂM TOÁN

Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Số tiền VND	
		Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
I. Thuế GTGT được khấu trừ			
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	1.460.857.952	
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	10.908.383.145	10.908.383.145
3. Số thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ	12	9.074.419.885	9.074.419.885
Trong đó			
a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	8.920.340.084	8.920.340.084
b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	14		
c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15	134.236.564	134.236.564
d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	16	19.843.237	19.843.237
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ (17=10+11-12)	17	3.294.821.212	
II - Thuế GTGT được hoàn lại			
1. Số thuế GTGT được hoàn lại đầu kỳ	20		
2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	21		
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22		
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ (23=20+21-22)	23		
III. Thuế GTGT được giảm			
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30		
2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	31		
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32		
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ (33 =30+31-32)	33		
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa			
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	2.490.836.884	
2. Thuế GTGT đầu kỳ phát sinh	41	12.291.319.908	12.291.319.908
3. Thuế GTGT đầu kỳ đã khấu trừ	42	8.920.340.084	8.920.340.084
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43		
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44		
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	45	2.712.907.784	2.712.907.784
7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ (46=40+41-42-43-44-45)	46	3.148.908.924	

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Trần Thị Minh Huệ
Trần Thị Minh Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Trần Thị Đức Hậu
Trần Thị Đức Hậu



Kiểm Quang Minh